

Kính gọi : Family of Vietnamese
Political Prisoners Association

Kính nhờ sự giúp đỡ của
quí hội cho thân nhân chúng tôi
tên LÊ MINH CHÍNH cựu thiếu tá
QLVNCH và gia đình mau sớm
thoát khỏi gông cùm Cộng Sản VN.

Nếu cần bỏ túi bất cứ giấy tờ
gì xin quý hội liên lạc với chủ tôi.
Nguyễn Thanh Xuân

Nay kính
v.v.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP#1V

DATE: OCT-16-1989

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. NAME: LÊ MINH CHINH SEX: MALE
2. OTHER NAMES: /
3. DATE/PLACE OF BIRTH: JULY, 29- 1952 HAI PHONG, NORTH VIET NAM
4. RESIDENCE ADDRESS: 27/24 LY THƯỜNG KIỆT POB TÂN BÌNH HOA CHAU
5. MAILING ADDRESS: -
6. CURRENT OCCUPATION: -

B. RELATIVES WHO ACCOMPANY:

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATIONSHIP
1- VU THI THUC	17-01-1937	SON AI	WOMAN	M	WIFE
2- LÊ THI MINH THUC	06-10-1958	GIA DINH	WOMAN	S	DAUGHTER
3- LÊ THI MINH THUC	09-03-1963	GIA DINH	WOMAN	S	-
4- LÊ THI MINH THUC	30-04-1965	SALON	WOMAN	S	-
5- LÊ MINH THUC	29-12-1967	TÂN BÌNH	MAN	S	-
6- LÊ MINH THUC	16-05-1970	TÂN BÌNH	WOMAN	S	-

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

1- CLOSEST RELATIVE IN THE U.S

- a. NAME: VU THI MINH
- b. Relationship: SISTER
- c. Address: -
- d. Date of relative's arrival in the U.S

2. CLOSEST RELATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRIES:

- a. NAME: HOANG VAN KHOA
- b. Relationship: COUSIN
- c. Address: -

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/ Dead)

1. Father : LÊ HUU THANH Dead

2. Mother : HOANG THI NGHIA Dead

E. EMPLOYMENT BY U.S. CIVIL SERVICE AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU

DISPATCH:

NONE

F. SERVICES WITH RESPECT TO ME:

1. Name of Person Serving: LÊ MINH CHINH

2. Dates : From : AUGUST - 1953 To : 04-1975

3. Last Rank : MAJOR Serial Number : 32/50502

4. Ministry/Office/ Military Unit: ARMY - MEDICAL CORPS

5. Name of Supervisor/ c.o : LT. GENERAL VU NGOC HOANG

6. Reason for Separation: EVENT 1975

7. Name of American Advisor(s) : PHILLIP , MAJOR

8. U.S. Training Courses in Viet nam: MANAGEMENT ANALYST PROGRAM FOR
PRINTER MINISTER ADMINISRE USA /VN

G. Training Outside Vietnam:

1. Name of Student: LÊ MINH CHINH

2. School and school Address: MEDICAL SCHOOL, FORT S. J. ROUSTON, TEXAS

3. Dates : From: 10- 1957 - 1968

4. Description of Courses: MSC

5. WHO paid for training: U.S GOV

H. RE-EDUCATION OF ME:

1. Name of Person in Reeducation: LÊ MINH CHINH

2. Time in Reeducation: From: 5-1975 To: 01 - 1981

3. Still in Reeducation? NO

I. ANY ADDITIONAL REMARKS:

I Would like to go to your STATE

SIGNATURE :

Chinh

LÊ MINH CHINH

DATE: OCT 16-1981

DOCUMENTS ATTACHED:

- Birth Certificates
- Marriage Certificate
- Medical Certificate and Health Certificate

BỘ NỘI VỤ
TRẠI XUÂN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số CC-QITC ban
hành theo công văn số
2725 ngày 27 tháng 11
năm 1972

Số 235 GRT

0037.79.0232.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành án văn, quyết định tha số 02/QĐ ngày 18 tháng 01 năm 81

của

Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

LÊ MINH CHÍNH

Họ, tên thường gọi

18 tháng 01 năm 81

Họ, tên bí danh

đến trình diện

Sinh ngày 29 tháng 07 năm 1932

Nơi sinh

Hải phòng

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt 175/27/24 Lý Thường

kiệt phước, Tân hưng Tân bình, TPHCM

Can tội Thiếu tá sĩ quan trực phòng không bộ chỉ huy không quân

Bị bắt ngày

14/05/75

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số 203 ngày 18 tháng 12 năm 78 của

Bộ nội vụ

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 175/27/24 Lý Thường Kiệt phước 26 Tân bình Sgòn

Nhận xét quá trình cải tạo

Xác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, học tập lao động
có nhiều cố gắng, chấp hành nội quy nghiêm.

Đề nghị chính quyền địa phương, công an các cấp cần chú
vào tình hình địa phương tính chất tội phạm và thái độ
cải tạo của đương sự mà quy định nơi cư trú, các biện
pháp quản lý quản chế khác nhằm tạo điều kiện cho đương
sự làm ăn sinh sống trở thành người lương thiện. (Quản
chế 12 tháng)

Lên tay ngón trở phải

Của Lê Minh Chính

Danh bản số

Lập tại 4039

Xuân phước,

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 02 năm 81



Lê Minh Chính

HÔN-THÚ BẠC

NIHUT

Số hiệu IIO

Chứng thực chữ ký tên (1)
Giả Ủy Viên "HỘI ĐỒNG HƯỚNG CHỈNH"
ĐẠI DIỆN XÃ
Thị trấn Nghiệm Quận Trưng
Phó Quận Trưởng



TRẦN-VĂN-THI

Sao lục y theo bộ năm 1958

Thành Mỹ-Tây ngày 7 tháng 1 năm 1958
HỘI VIÊN HỘ-TỊCH

HUYNH-VĂN-VIỆT

Nhận thực chữ ký của
HỘI VIÊN HỘ-TỊCH

Thành Mỹ-Tây ngày 7 tháng 1 năm 1958
ĐẠI-DIỆN XÃ

VŨ-VĂN-PHÚ

(1) Là chưa đề
lược-biên án tòa
cải giấy hôn-thú lại.

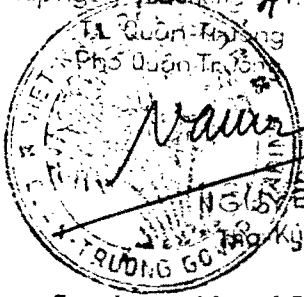
Người chồng : (Tên, họ)	Lê Minh Chính
Nghề-nghiep :	Sĩ Quan
Sanh tại :	Hải Phòng (Bắc phần)
Sanh ngày :	29 tháng 7 năm 1932
Cư-trú tại :	K.B.C 4748
Cha chồng : (Tên, họ, sống chết phải nói)	Lê Hữu Thanh (chết)
Mấy tuổi :	_____
Nghề-nghiep :	_____
Cư-trú tại :	_____
Mẹ chồng : (Tên, họ, sống chết phải nói)	Hoàng thị Nghĩa (sống)
Mấy tuổi :	_____
Nghề-nghiep :	_____
Cư-trú tại :	Bắc Phần
Cháu tên bên trái : (Tên, họ)	Phạm thị Nga
Mấy tuổi :	57 tuổi
Nghề-nghiep :	Buôn bán
Cư-trú tại :	Thành Mỹ-Tây
Người vợ : (Tên, họ)	Vũ thị Thuê
Vợ (chánh hay vợ thứ) :	Vợ chánh
Nghề-nghiep :	Nội trợ
Sanh tại :	Sơn Tây (Bắc phần)
Sanh ngày :	17 tháng I năm 1937
Cư-trú tại :	Thành Mỹ-Tây
Cha vợ : (Tên, họ, sống chết phải nói)	Vũ văn Bình (chết)
Mấy tuổi :	_____
Nghề-nghiep :	_____
Cư-trú tại :	_____

KHAI SANH

HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

Số hiệu: 956

Nhận được chữ ký của Hội đồng Nhân dân thị trấn Gò Vấp ngày 9 tháng 4 năm 1962



Sao lục y thảo bản năm 58

Thị trấn Tây, ngày 9 tháng 4 năm 62

HỘI VIÊN HỘ TỊCH

Handwritten signature

BẢNG-VĂN-SĨ

Nhận được chữ ký của HỘI VIÊN HỘ TỊCH Thị trấn Tây ngày 9 tháng 4 năm 1962



ĐẠI DIỆN XÃ

HUYỀN VĂN-CHƯƠNG

Tên, họ ấu nhi :	LÊ THỊ MINH THƯ
Phái :	NỮ
Sinh :	Ngày sau, tháng sau, năm một ngàn chín trăm năm
(Ngày, tháng, năm)	mười tám.
Tại :	Thanh Mỹ Tây
Cha :	Lê Minh Chính
(Tên, họ)	
Tuổi :	26 tuổi
Nghề-nghiệp :	đi quan
Cư-trú tại :	Thanh Mỹ Tây
Mẹ :	Vũ Thị Thảo
(Tên, họ)	
Tuổi :	21 tuổi
Nghề-nghiệp :	nội trợ
Cư-trú tại :	Thanh Mỹ Tây
Vợ :	vợ chính
Người khai :	Nguyễn Thị Tuyết
(Tên, họ)	
Tuổi :	29 tuổi
Nghề-nghiệp :	cô gái
Cư-trú tại :	Thanh Mỹ Tây
Ngày khai :	10 tháng 10 năm 1958
Người chứng thứ nhất :	Lý Thị Phụng
(Tên, họ)	
Tuổi :	30 tuổi
Nghề - nghiệp :	nội trợ
Cư-trú tại :	Thanh Mỹ Tây
Người chứng thứ nhì :	Đặng Thị Búi
(Tên, họ)	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề - nghiệp :	nội trợ
Cư-trú tại :	Thanh Mỹ Tây

Làm tại Thanh Mỹ Tây, ngày 10 tháng 10 năm 1958

Người khai,	Hộ-lai,	Nhân-chứng,
Nguyễn Thị Tuyết	Huyền Văn Việt	Lý Thị Phụng
		Đặng Thị Búi

KHAI SANH

Số hiệu: 285

Sơ lục y theo hộ năm 1963...
Thị trấn Tây, ngày 17 tháng 1 năm 64.

HỘI VIÊN HỘ TỊCH

HUYỀN-VĂN-THIẾT

Nhận được chữ ký...
Thị trấn Tây, ngày 17 tháng 1 năm 64



ĐẠI DIỆN XÃ

HUYỀN-VĂN-CHƯƠNG

Nhận được chữ ký...
của Hội Đồng Xã. Thị trấn Tây
ngày 19 tháng 1 năm 1964

T.T. Đoàn-Trưởng
Phó Quốc-Trưởng



HUYỀN-VĂN-ĐỀ

Tên, họ Âu nhi: LÊ THU MINH TÂM
Phái: Nữ
Sanh: Ngày mùng chín, tháng ba, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba. (5 giờ 39)
(Ngày, tháng, năm)
Tại: Nhà sanh "Linh Tâm" - Thanh Mỹ Tây
Chưa: LÊ MINH CHÍNH
(Tên, họ)
Tuổi: 31 tuổi
Nghề-nghiệp: Sĩ quan
Cư-trú tại: Thanh Mỹ Tây
Mẹ: VŨ THU THỰC
(Tên, họ)
Tuổi: 26 tuổi
Nghề-nghiệp: Nội trợ
Cư-trú tại: Thanh Mỹ Tây
Vợ: Vợ chính
Người khai: LÝ THỊ CẨM LIÊN
(Tên, họ)
Tuổi: 35 tuổi
Nghề-nghiệp: Nội trợ
Cư-trú tại: Thanh Mỹ Tây
Ngày khai: 12 tháng 3 năm 1963
Người chứng thứ nhất: NGUYỄN THỊ VĂN
(Tên, họ)
Tuổi: 22 tuổi
Nghề-nghiệp: Nội trợ
Cư-trú tại: Thanh Mỹ Tây
Người chứng thứ nhì: NGUYỄN VĂN QUY
(Tên, họ)
Tuổi: 28 tuổi
Nghề-nghiệp: Buôn bán
Cư-trú tại: Thanh Mỹ Tây

Làm tại Thanh Mỹ Tây, ngày 12 tháng 3 năm 1963

Người khai,

Hộ-lai,

Nhận-chứng,

LÝ THỊ CẨM LIÊN

HANG VĂN SĨ

NGUYỄN THỊ VĂN
NGUYỄN VĂN QUY

NAM - PHÂN
ĐÔ - THÀNH SAIGON
TÒA HÀNH CHÍNH QUẬN BA
Số hiện 3978

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (1965)

506 / 71

1C

Tên, họ đứa nhỏ	Lê thị Minh Hà
Phái	Nữ
Ngày sanh	Ba mươi tháng tư năm một ngàn trăm sáu mươi lăm 22 giờ
Nơi sanh	Saigon, 369 Lê văn Duyệt
Tên, họ người Cha	Lê Minh Chính
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề nghiệp	Sĩ Quan
Nơi cư ngụ	Saigon, 414/4 Lê văn Duyệt
Tên, họ người Mẹ	Vũ thị Thục
Tuổi	Hai mươi tám
Nghề nghiệp	Nội trợ
Nơi cư ngụ	Saigon, 414/4 Lê văn Duyệt
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 3 tháng 5 năm 1965

TRÍCH - LỤC Y BỒN CHÍNH :

Saigon, ngày 30 tháng 5 năm 1965

QUẢN TRƯỞNG QUẬN BA,
VIÊN CHỨC HỘ - TỊCH,



TRẦN VĂN LUNG

Tên, họ ấu nhi LÊ THỊ MINH-CHÂU
 Phái Nữ
 Sinh Mười sáu tháng năm dương lịch 12/4
 (Ngày, tháng, năm) Năm một ngàn chín trăm bảy mươi
 Tại Thái-Hiệp-Thạnh
 Cha LÊ MINH-CHÍNH
 (Tên họ)
 Tuổi Ba mươi tám tuổi
 Nghề-nghiep Quân nhân
 Cư-trú tại Thái-Hiệp-Thạnh
 Mẹ VŨ-THỊ-THỰC
 (Tên họ)
 Tuổi Ba mươi ba tuổi
 Nghề-nghiep Môi trợ
 Cư-trú tại Thái-Hiệp-Thạnh
 Vợ Vợ chánh
 (Chánh hay thứ)
 Người khai Đình-Quang-Điền
 (Tên họ)
 Tuổi Bốn mươi tuổi
 Nghề-nghiep Quân nhân
 Cư trú tại Thái-Hiệp-Thạnh
 Ngày khai Mười tám tháng năm dương lịch
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi
 Người chứng thứ nhứt Nguyễn-văn-Đậu
 (Tên họ)
 Tuổi Bốn mươi bốn tuổi
 Nghề-nghiep Làm vườn
 Cư-trú tại Thái-Hiệp-Thạnh
 Người chứng thứ nhì Hồ-HỮU-Niên
 (Tên họ)
 Tuổi Hai mươi ba tuổi
 Nghề-nghiep Quân nhân
 Cư-trú tại Thái-Hiệp-Thạnh

TRÍCH V TRONG BỘ CHÁNH

Thái-Hiệp-Thạnh

Ngày 22 tháng 5 đ. 19 70

Ủy-Viên Hộ-Tịch



BÙI-VĂN-ME

Nhân chức chữ ký tên, đầy đủ
Hộ tịch Xã Thái Hiệp Chánh
 Tây Ninh, ngày 30 tháng 5 đ. 19 70

T. L. TỈNH-TRƯỞNG,
 K. P. H. TỈNH-TRƯỞNG



Làm tại Xã Tây-Ninh, ngày 18 tháng 5 đ. 19 70

Người khai

Hộ-tịch,

Nhân chứng,

Ký tên : Điền

Ủy-Viên Hộ-Tịch

Ký tên : Đậu

Bùi-văn-Me

Hiên

(Ký tên)

LÊ-MINH-CHÂU

Tham Sự Đình Giám Trưởng (g)

Tên họ ấu-nhi LE - MINH - DANG

Phái Nam

Sinh Hai mươi lăm tháng chạp dương-lịch- Nam một
(Ngày, tháng, năm)
ngàn chín trăm sáu mươi bảy. (Hoi 3 gio, 45 phut)

Tại Thai-Hiep-Thanh (Tay-Ninh)

Cha LE-MINH-CHINH
(Tên họ)

Tuổi Ba mươi lăm tuổi

Nghề-nghiep Quan-Nhan

Cư-trú tại KBC. 3010

Mẹ VU-THI-THUC
(Tên họ)

Tuổi Ba mươi tuổi

Nghề-nghiep Moi-tro

Cư-trú tại Thai-Hiep-Thanh

Vợ Vo chanh
(Chánh hay thứ)

Người khai LE-MINH-CHINH
(Tên họ)

Tuổi Ba mươi lăm tuổi

Nghề-nghiep Quan-Nhan

Cư-trú tại KBC. 3010

Ngày khai Hai mươi sáu tháng chạp dương-lịch
Nam một ngàn chín trăm sáu mươi bảy.

Người chứng thứ nhất VO-DUY-ANH
(Tên họ)

Tuổi Hai mươi ba tuổi

Nghề-nghiep Lam mucn

Cư-trú tại Thai-Hiep-Thanh

Người chứng thứ nhì BUI-TRAN-NGUYEN
(Tên họ)

Tuổi Hai mươi bảy tuổi

Nghề-nghiep Quan-Nhan

Cư-trú tại KBC. 3010

TRICH Y TRONG BO CHANH

Thai-Hiep-Thanh
Ngày 12 tháng 12 năm 1967
Chu-Tich UBHC Xã
Kiêm Ho-Tich

VO-VAN-THUAN

hân thư chữ ký le 23u cũ le
Tach unup le le le
Tay Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 1967



NGUYEN VAN-BIET

Làm tại Xã TAY NINH ngày 26 tháng 12 năm 1967
Người khai, Hộ-tịch, Nhân chứng,

Ký tên : **CHINH** Chu-Tich UBHC Xã Ký tên : **ANH**
Kiêm Ho-Tich NGUYEN
VO-VAN-THUAN
Ky ten

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
SỞ TƯ PHÁP TRUNG - PHÂN
TÒA H.G. HAI-MÌNH
Ngày 18 tháng 12 năm 1958
CHỨNG-CHỈ THAY GIẤY
KHAI-SINH CỦA:
LE-MINH-CHINH

Số 1815/HH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi tám
ngày mười tám tháng mười hai năm 1958 giờ
Trước mặt chúng tôi là LY-THIU-QUANG
Quận-Trưởng kiêm Thăm-Phán Hòa - Giải Quận Hai-Mình
ngồi tại văn phòng ở Quận Hai-Mình
Có Lục-sự đặc-cử ĐOÀNG-VĂN-THÀNH giúp việc.
ĐÃ ĐẾN HẦU
LE-MINH-CHINH 26 tuổi, nghề-nghiệp Quan nhậm
chánh quán làng Thị Xã Hai-Phong (Bắc - Pham)
hiện trú Sông Mao K.B.C.4.748
thẻ kiểm tra số A-4394
ngày 19/8/1955 do Thị Xã BẮNHUOT cấp.

Thỉnh cầu Tòa-án cấp một bản chứng-chỉ thế vi KHAI-SANH cho ta :
LE-MINH-CHINH vì lý-do số bộ thất-lạc trong thời kỳ chiến-tranh, theo như đơn đã đệ tại
Bản Tòa ngày 18/12/1958, tôi xin cam đoan rằng xưa nay tôi chưa xin chứng-chỉ này
cho ta LE-MINH-CHINH ở một Tòa-án nào và lần này là lần xin đầu tiên.

Đương sự dẫn ba nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y :
10) LY SÁI THONG 42 tuổi, nghề-nghiệp Quan nhậm
trú ngụ tại Sông Mao K.B.C.4.748 thẻ kiểm - tra số A-006220
ngày 22/11/1955 do Thị Xã BẮNHUOT cấp.
20) ĐOÀNG CHI MINH 34 tuổi, nghề-nghiệp Quan nhậm
trú ngụ tại Sông Mao K.B.C.4.748 thẻ kiểm tra số A-006457
ngày 22/11/1955 do Thị Xã BẮNHUOT cấp.
30) SAN A-SANG 36 tuổi, nghề-nghiệp Quan nhậm
trú ngụ tại Sông Mao K.B.C.4.748 thẻ kiểm tra số A-006232
ngày 22/11/1955 do Thị Xã BẮNHUOT cấp.

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên
LE-MINH-CHINH phái Hoa quốc-tịch Việt-Nam sinh ngày
Hai mươi chín (29) tháng bảy (7) năm một ngàn chín trăm ba mươi hai (1932)
tại làng Thị Xã quận Hai-Phong tỉnh (Bắc - Pham)
hiện ngụ tại Sông Mao K.B.C.4.748 quận / tỉnh /
là con ông LE HAU THANH 72 tuổi và bà ĐOÀNG-THỊ-NHƯA 55 tuổi.

Và duyên cớ mà y không thể xin sao lục KHAI-SANH được là vì sự biến-cố chiến-tranh bản
chánh đã bị thất-lạc.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy thế vi này cho tên
LE-MINH-CHINH, chiếu theo các điều 47-48 H.V. Hộ-Loạt.

Và các người chứng có ký với tôi và viên Lục-Sự sau khi đọc lại.
LỤC-SỰ
ky tên : ĐOÀNG-VĂN-THÀNH Quận-Trưởng kiêm Thăm-Phán Hòa-Giải.
ky tên LY-THIU-QUANG và đóng dấu

Những người chứng
LY SÁI THONG ; ĐOÀNG CHI MINH ; SAN A-SANG
ky tên ky tên ky tên

TRƯỚC BÀ TẠI PHAN-THIỆT
Ngày 15 tháng 1 năm 1959
Quyền / tờ / số /
Chữ - Sự,

(ky tên không so và đóng dấu)

Người đứng xin
LE-MINH-CHINH ky tên
SAN Y CHANH BAN
Sông Mao ngày 18 tháng 1 năm 1959
K. T. Quan Trưởng kiêm Thăm Phán
Hòa Giải Hai-Mình và T.U.N.
ĐOÀNG-VĂN-THÀNH
T.U.N.
Hàng - Liên

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

ĐƠN THUỐC

Số hồ sơ: 1566

Họ và tên Bệnh nhân:

Lê Minh Chính Tuổi 50

Nghề nghiệp:

ở nhà

Địa chỉ:

Lưu Huỳnh Kiệt

Định bệnh:

2. mắt thị lực giảm

TL } mắt phải: 1/10

10 } mắt trái: đếm ngón tay 4,5 m

phần áp

1/10

1/10

Đau mắt

đỏ, lờ mờ gai + bạc gai vùng

thai dương

đi

Theo dõi thị lực ngoại trú

Tăng áp góc mở

teo gai

- PP

1 x 2

20

- B

60/250

1 x 2

20

- Bn

1000 V

Th 10



Y, BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

100

Chú ý: 1) Y, Bác sĩ cần ghi rõ: Tên thuốc, hàm lượng, số lượng và cách dùng.
2) Mỗi lần khám lại, bệnh nhân cần đem theo đơn này.

4. Bối { Thái nghe nói thường cách 5 m
Sơai nghe nói thường cách
nghe nói thắm cách
nghe nói thắm cách 0,5 m

5. Chẩn bệnh
đông bình o tê liệt o

phản xạ tay / phản xạ gối
chấn
các bệnh khác về thần kinh: o

6. Tuần hoàn
Áp lực động mạch tối đa 130. tối thiểu 70
Các bệnh về tim: o

7. Những bệnh khác:
Đột tử - BT
Biểu hiện: óa' óát ruột thừa tử nhò'
sinh dục tiết niệu
các bộ phận khác / BT

8. Chuyên khoa
Răng hàm mặt
mã hiệu
xét nghiệm
x Quáng BT

I KẾT LUẬN

ông bà Lê sinh chính 50 tuổi

Sức khỏe được phân loại: Xơ vữa động mạch
vĩnh viễn

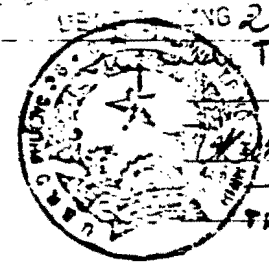
Săm bị cơn bệnh ngày 14 tháng 01

y bác sĩ khám

Xã nhân Sòng
(đã ký)

xác nhận
chủ ký của BS Sòng
Xã Thủ An
(đóng dấu và đã ký)

Số 63X/TV
CHỖNG NHÂN QUẢN Y PÂN CHÁNH
KHUAT TỈNH QUẢNG BẮC
Ngày 3/1/2015



TRUONG ANH

GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

Họ và tên: LÊ MINH CHÍNH tuổi 50

Ngày và nơi sinh: 29.03.1932 tại Hải Phòng

Xã Hướng Thu: 27/24 P.26 Quận Cầu Giấy Hà Nội

Sự do khám để nộp hồ sơ xin hưởng

I TIỀN SỬ BỆNH

Đau thần

Ga đình

II KHÁM

Đặc biệt: Chiều cao 1m57 cân nặng 45kg

Việc ngực thường bình 80

2. Mắt

Đặc biệt: mắt phải không kính 11/10 có kính

mắt trái không kính 11/10 có kính

chính ở mắt

3. Tay chân

Tay { phải

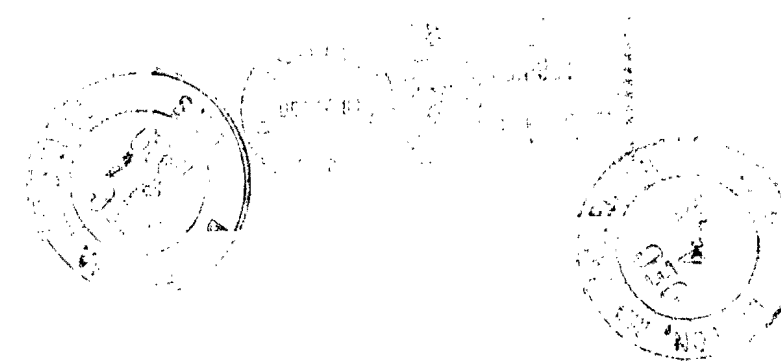
trái

BT

Chân { phải

trái

Xuan Nguyen



TO: FAMILY OF VIETNAMESE
Political Prisoners Association

P.O. Box 5435

ARLINGTON

VA 22205

FIRST CLASS

DEC 07 1989

~~COMPUTERIZED~~

major - 245

c
H

CONTROL

- ___ Card
- ☒ Doc. Request; Form 12/6/87
- ___ Release Order
- ___ Computer
- ___ Form "D"
- ___ ODP/Date
- ___ Membership; Letter

~~Comp - 9/18/87~~